

Bản án số: 488 /2020/DS-PT

Ngày 28 tháng 9 năm 2020

“V/v: *Tranh chấp quyền sử dụng đất  
và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận  
quyền sử dụng đất*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thành Văn

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Công Mười

Bà Trần Thị Thu Thủy

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án dân sự đã thụ lý số 243/2020/TLPT-DS ngày 27 tháng 03 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do có kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Hoàng Thái đối với bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/DSST ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 959/2020/QĐXX-PT ngày 27 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Châu Thị Th (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Th:* Ông Nguyễn Huy Ph (theo văn bản ủy quyền ngày 27/6/2018) (có mặt)

Địa chỉ: đường B, phường 2, quận T, TP. Hồ Chí Minh

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Ph:* Luật sư Nguyễn

Trọng H – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Bị đơn:** Ông Trần Hào Q (có mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện K, Đắk Nông.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Nông;

Địa chỉ: Đường 23/3, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Hoàng Thị H - Chức vụ: Phó trưởng phòng Thông tin – Lưu trữ, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đắk Nông (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

2. Ông Đoàn Ng. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Huy Ph (theo văn bản ủy quyền ngày 27/6/2018). (có mặt)

Địa chỉ: đường B, phường 2, quận T, TP. Hồ Chí Minh

3. Bà Đỗ Thị S (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

4. Ông Nguyễn Văn M (có mặt)

5. Bà Trịnh Thị Mỹ H (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn 01, xã Tr, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông.

6. Ông Phan Văn T (có mặt)

7. Bà Nguyễn Thị Hoàng Y (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

**- Người làm chứng:**

1. Ông Dương Đức T (có mặt)

2. Ông Lê Văn T1 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn P1, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

3. Ông Trần Văn Th1 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

4. Ông Đặng Bảo T2 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường N, khối 3, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện ngày 18-7-2018, đơn thay đổi nội dung đơn khởi kiện ngày 07-5-2019, lời trình bày của bà Châu Thị Th, ông Nguyễn Huy Ph người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Năm 2005, Châu Thị Th và ông Đoàn Ng nhận chuyển nhượng của ông Phan Văn T 01 thửa đất với diện tích bàn giao thực tế ngang mặt đường 100m, sâu hết đất khoảng 32m - 40m, tại thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Thửa đất có tứ cận:

- Phía Nam giáp với đường nhựa quốc lộ 28 dài 100m.
- Phía Bắc, tiếp giáp với ô lưới địa chính 80 của hộ ông Th dài khoảng 110m.
- Phía Đông giáp với thửa đất số 82 của hộ ông Đặng Bảo T2 dài khoảng 40m.
- Phía Tây tiếp giáp với thửa đất số 81 của hộ ông Phan Văn T dài khoảng 34m.

Ngày 15-9- 2005, bà Th và ông Ng được Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AC 111626 với diện tích 1890m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 81a, tờ bản đồ số 09. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà Th làm một căn nhà cấp 4 với diện tích 8m chiều ngang, chiều sâu 30m, đào ao, nuôi dê, gà, làm gạch sử dụng ổn định từ năm 2005 đến tháng 4-2018 không tranh chấp với ai về ranh giới.

Tháng 4 năm 2018, hộ liền kề là ông Trần Hào Q tự ý san ủi đất, làm mặt bằng nhằm lấn chiếm, hủy hoại, che lấp, xóa dấu vết ranh giới cũ đồng thời đã chiếm đất của gia đình bà Th diện tích tương đương 580.5 m<sup>2</sup>. Với hành vi lấn chiếm của ông Q, gia đình bà Th đã làm đơn khiếu nại yêu cầu xã Q giải quyết. Tại buổi hòa giải sau khi được xem bìa đồ của hộ ông Đặng Bảo T2 (ông T2 chuyển nhượng lại cho ông Q) thì bà Th phát hiện đất thực tế hiện trạng ngang mặt đường là 100m đất của gia đình bà nhưng GCNQSD đất chỉ cấp 60m, đồng thời GCNQSD đất của ông Đặng Bảo T2 đã cấp có phần diện tích chồng lấn lên diện tích đất sử dụng của gia đình bà, giá trị đất bị lấn chiếm có giá trị tạm tính là 40.000.000 đồng.

Do đó, bà Th yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Trần Hào Q trả lại diện tích đất lấn chiếm 580.5m<sup>2</sup>, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 019943, thửa 82, tờ bản đồ 09, diện tích 4.260m<sup>2</sup> do Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho ông Đặng Bảo T2 ngày 19-12- 2005, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 111626, thửa 81a, tờ bản đồ số 9, diện tích 1890m<sup>2</sup>, địa chỉ thửa đất xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông do Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho bà Châu Thị Th và ông Đoàn Ng ngày 15-9-2005 và đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà Th theo đúng hiện trạng thực tế.

*Bị đơn ông Trần Hào Q trình bày:* Ngày 19-01-2018, ông nhận chuyển nhượng của ông Đặng Bảo T2 một thửa đất số 82, tờ bản đồ số 09, diện tích 4.260m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm có vị trí: Phía Bắc giáp đất ông Lê Văn T1; phía Nam giáp đường QL 28; phía Đông giáp suối; phía Tây giáp đất bà Th. Khi nhận chuyển nhượng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T2 nên hai bên ra thực địa cắm mốc, chỉ ranh giới và ông đã nhận đất.

Đến ngày 26-3-2018, ông cho xe đồ đất để san bằng thì bị bà Th ngăn cản, ông Q đã gửi đơn đến Ủy ban nhân dân xã để hòa giải nhưng không đi đến thống nhất, sau đó không thấy có phát sinh tranh chấp. Đến ngày 22-8-2018 ông Q không có nhu cầu sử dụng thửa đất trên nên ông Q đã sang nhượng lại cho ông Nguyễn Văn M và bà Trịnh Thị Mỹ H toàn bộ diện tích đã nhận chuyển nhượng từ ông Đặng Bảo T2, ông Q không đồng ý với nội dung khởi kiện của bà Th. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn T và bà Nguyễn Thị Hoàng Y trình bày:* Năm 1997, ông T mua của ông Trần Đình D một thửa đất và đến năm 2002, ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 16.770m<sup>2</sup>. Đến năm 2005, ông T sang nhượng cho bà Châu Thị Th diện tích 1.890m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm có vị trí: Phía Đông giáp tỉnh lộ 4 dài 60m; phía Tây giáp ruộng bà H dài 60m; phía Tây giáp ông T; phía Bắc giáp ông T. Khi sang nhượng hai bên ra thực địa chỉ và cắm mốc chiều ngang theo mặt đường Quốc lộ là 60m. Đo từ mép cống nước là thửa đất số 82 ông T đã sang nhượng cho ông T2 chiều ngang theo mặt đường Quốc lộ là 105m, từ mép thứ 105 kéo theo chiều ngang mặt đường thửa đất số 81a là 60m. Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 09 ông T đã sang nhượng cho ông T2 trước khi sang nhượng cho bà Th nhưng sau đó ông T2 mới đi làm thủ tục sang nhượng thửa đất trên tại cơ quan có thẩm quyền, diện tích sang nhượng là 4.260m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm thửa đất có tứ cận: Phía Bắc giáp đất ông Lê Văn T1; phía Nam giáp đường QL 28; phía Đông giáp suối; phía Tây giáp đất bà Th. Khi sang nhượng các bên có ra chỉ và đo ranh giới, cắm cọc, diện tích đo thực tế là 105m, tính từ mép suối kéo dài theo mặt đường, thời điểm sang nhượng không có tranh chấp gì. Năm 2007, ông T thấy bà Th mức sang phần đất của ông T đã sang nhượng cho ông T2 để lấy đất làm lò gạch hiện nay đã thành cái ao, ông T2 có biết hay không thì ông T không biết, vì đã sang nhượng cho ông T2 nên ông T không có ý kiến gì. Phần diện tích đất chiều ngang mặt đường còn lại là của ông T sử dụng ổn định từ trước đến nay không tranh chấp với ai. Năm 2005, bà Th mượn một phần đất của ông T để làm chuồng dê và xây nhà tạm cho công nhân làm gạch, do phần đất này ông T không canh tác nên ông T đồng ý cho bà Th mượn, khi cho mượn không viết giấy tờ gì.

Đến năm 2017, ông T lấy lại đất thì bà Th không chịu trả, hiện tại bà Th đang sử dụng chiều dài mặt đường tỉnh lộ lên phần đất của ông T, theo kết quả đo đạc là 14,18m, trước đây ông T khai 12m là không đo đạc mà chỉ ước chừng. Năm 2018 bà Th làm đơn kiện ông T cho rằng ông T lấn chiếm đất của bà Th và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T là hoàn toàn không có căn cứ. Việc ông T sang nhượng đất cho bà Th có viết giấy tờ, hợp đồng sang nhượng được thực hiện đúng quy định, có chữ ký đầy đủ của bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng và sơ đồ hiện trạng thửa đất. Do đó, ông đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết đúng như giấy tờ sang nhượng đất là 60m chiều ngang, chiều dài hết đất. Đối với diện tích đất bà Th lấn chiếm ông bà không có yêu cầu độc lập trong vụ án này. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị Th.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M, bà Trịnh Thị Mỹ H trình bày:*

Ngày 22-8-2018, ông M nhận chuyển nhượng lại của ông Trần Hào Q, bà Nguyễn Thị S 01 thửa đất có tổng diện tích là 4.260m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 82, tờ bản đồ số 09 giá sang nhượng là 100.000.000 đồng, có tứ cận: Phía Đông giáp QL 28 là 105m, phía Tây giáp ruộng, hai cạnh còn lại một cạnh giáp đất bà Th. Ông M và ông Q đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Khi chuyển nhượng thì các bên có đến đo đạc, chỉ ranh, cắm cọc giao đất nhưng không thấy ai đến có ý kiến gì. Khi ông M làm mặt bằng để sử dụng đất thì bà Th nói ông M lấn chiếm một phần diện tích đất của bà Th. Thời điểm nhận chuyển nhượng đất từ ông Q trên đất không có cây cối gì, sau khi tranh chấp bà Th mới trồng vài cây chuối, trên đất có 1 hũm nước, ông M chỉ nghe ông Q nói trước đất ông T chưa sử dụng bà Th múc đất để làm gạch. Sau này ông M mới biết bà Th đã khởi kiện ông Q ra Tòa án. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo hướng không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Châu Thị Th.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị S trình bày:*

Ngày 19-01-2018, ông Q có nhận chuyển nhượng của ông Đặng Bảo T2 01 thửa đất số 82, tờ bản đồ số 9, diện tích 4260m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm có vị trí: Phía Bắc giáp đất ông Lê Văn T1; phía Nam giáp đường Q1 28; phía Đông giáp suối; phía Tây giáp đất bà Th. Đến ngày 26-3-2018, ông Q có cho xe đổ đất để san bằng thì bị bà Th ngăn cản. Ông Q đã gửi đơn đến UBND xã để hòa giải nhưng không đi đến thống nhất, sau đó không thấy có phát sinh tranh chấp. Đến ngày 22-8-2018 ông Q không có nhu cầu sử dụng thửa đất trên nên ông Q đã sang nhượng lại cho ông Nguyễn Văn M và bà Trịnh Thị Mỹ H. Đề nghị Tòa án xem xét không chấp nhận với nội dung khởi kiện của bà Th.

*Người làm chứng ông Dương Đức T, ông Lê Văn T1, ông Trần Văn Th1 trình bày:* về nguồn gốc đất hiện nay bà Th đang tranh chấp với ông Phan Văn T và ông Trần Hào Q là khoảng năm 2003 - 2004 bà Th nhận sang nhượng lại của ông T 1 phần diện tích đất của ông T vị trí đất ở giữa. Thời điểm chuyển nhượng ông T, ông T1, ông Th không chứng kiến việc sang nhượng và giao mốc thực địa khi sang nhượng đất. Do diện tích đất bà Th nhận sang nhượng là phần đất trũng nên toàn bộ diện tích đất này ông T bỏ hoang, phần diện tích đất đồi hai bên còn lại ông T trồng cà phê. Chỉ thấy bà Th sử dụng ổn định từ năm 2005 đến khi tranh chấp cụ thể: Cạnh giáp ông T là hàng cà phê cuối cùng, cạnh giáp mặt đường QL, cạnh giáp phần đất còn lại của ông T sau đó ông T sang nhượng cho ông T2 ranh giới được xác định là cách gốc cà phê hơn 01m hiện nay cây cà phê vẫn còn, kéo dài ra phía sau là cây rừng, cạnh còn lại giáp khe suối. Sau khi nhận chuyển nhượng thì bà Th làm nhà, xây lò gạch, nuôi dê, đối với phần đất giáp đất ông T và múc đất để làm lò gạch phần đất giáp đất ông T2 nay thành cái ao và hiện nay ao vẫn còn. Bà Th cũng đào 01 cái giếng ngay sau nhà và sử dụng cho đến nay.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/DSST ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị Th về việc yêu cầu buộc ông Trần Hào Q phải trả lại diện tích đất  $580.5m^2$  và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 019943, thửa 82, tờ bản đồ 09, diện tích  $4.260m^2$  do Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho ông Đặng Bảo T2 ngày 19-12-2005 và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 111626, thửa 81a, tờ bản đồ 09, diện tích  $1.890m^2$  do Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho bà Châu Thị Th, ông Đoàn Ng ngày 15-9-2005 tại xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 06/11/2019 ông Nguyễn Huy Ph đại diện ủy quyền của bà Châu Thị Th làm đơn kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Căn cứ các chứng cứ có tại hồ sơ cho thấy diện tích đất bà Châu Thị Th nhận chuyển nhượng từ ông T bà Y, khi chỉ ranh thì không có làm biên bản gì, nhưng khi ký hợp đồng chuyển nhượng là  $1.890m^2$ , hợp đồng trên có sự chứng kiến của các bên đương sự và có xác nhận của chính quyền địa phương. Qua đo đạc thực tế thì thấy hộ bà Th có  $1.973,6m^2$  lớn hơn diện tích đất sang nhượng. Xét diện tích đất ông Q nhận chuyển nhượng từ ông T2 thấy rằng diện tích đất này đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện nay diện tích đất của ông Q sử dụng là  $3.238,7m^2$  thấp hơn diện tích đất ông Q đã nhận chuyển nhượng từ ông T2 là  $4.260m^2$ . Tại phiên tòa phúc thẩm phía nguyên đơn không cung cấp chứng cứ mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ y án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, cho thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ bởi các lẽ sau:

[1] Ngày 05/7/2005 ông Phan Văn T và bà Nguyễn Thị Hoàng Y có làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Châu Thị Th và ông Đoàn Ng diện tích đất  $1.890m^2$  thành tiền 3.500.000 đồng và ngày 15/9/2005 bà Châu Thị Th và ông Đoàn Ng đã được Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Nông cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo kết quả đo đạc thực tế tại tờ bản đồ trích đo địa chính hiện trạng khu đất ngày 11/01/2019 (b1 85) thể hiện diện tích đất không có tranh chấp với ông T được giới hạn ở các điểm M3, M4, M5, M11, M12, M13, M14, M15, M16, M18 có tổng diện tích là  $1.973,6m^2$ . Như vậy cho thấy diện tích đất bà Th đang quản lý nhiều hơn diện tích đất bà Th được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là  $83,6m^2$ .

[2] Ngày 24/11/2005 ông Phan Văn T và bà Nguyễn Thị Hoàng Y ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Đặng Bảo T2 diện tích đất 4.260m<sup>2</sup> với giá tiền là 5.000.000 đồng. Ngày 15/12/2005 Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Nông đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đặng Bảo T2 với diện tích là 4.260m<sup>2</sup>.

Theo kết quả đo đạc thực tế từ bản đồ trích đo địa chính hiện trạng khu đất ngày 11/01/2019 cho thấy diện tích đất ông Q (*sang nhượng lại cho ông T2*) đang quản lý không có tranh chấp được giới hạn các điểm M6, M7, M8, M9, M6' có diện tích 2.658,2m<sup>2</sup>, diện tích đang tranh chấp với bà Th là 580,5m<sup>2</sup> được giới hạn ở các điểm M6, M6', M9, M10, M11 và M11', nếu cộng chung hai diện tích đất này thì ông Q đang quản lý chỉ có 3.238,7m<sup>2</sup>, thấp hơn nhiều với hợp đồng mà ông Q chuyển nhượng của ông T2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 4.260m<sup>2</sup>.

Từ những phân tích trên cho thấy việc bà Th khởi kiện và yêu cầu ông Trần Hào Q trả lại 580,5m<sup>2</sup> lấn chiếm của bà là không có căn cứ, bác yêu cầu kháng cáo của bà Th, giữ y án sơ thẩm.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Châu Thị Th phải chịu án phí phúc thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Châu Thị Th. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 19/2019/DSST ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; Điều 34; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 157; Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị Th đối với các yêu cầu sau: yêu cầu buộc ông Trần Hào Q phải trả lại diện tích đất 580,5m<sup>2</sup> và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 019943, thửa 82, tờ bản đồ 09, diện tích 4.260m<sup>2</sup> do Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho ông Đặng Bảo T2 ngày 19-12-2005. Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 111626, thửa 81a, tờ bản đồ 09, diện tích 1.890m<sup>2</sup> do Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho bà Châu Thị Th, ông Đoàn Ng ngày 15-9-2005 tại xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông để cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

cho bà đúng với hiện trạng thực tế.

- Về án phí: Bà Châu Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp (*theo biên lai số 0000049 ngày 22/11/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông*).

Các nội dung khác của quyết định sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thành Văn**